TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 169/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30-9-2024
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ;

2. Bà Ngô Thị Dịu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 386/2024/TLST-HNGĐ ngày 07/8/2024 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 220/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/8/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 130/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 10/9/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị C, sinh năm 1990; thường trú: Ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; chỗ ở: Số B, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Chí L, sinh năm 1994; thường trú: Xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; chỗ ở: Số B khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 01/8/2024 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Phan Thị C trình bày:

Chị Phan Thị C và anh Nguyễn Chí L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 115/2014, quyển số 01 ngày 29/9/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống tại số B khu phố T, phường T, thành phố D,

tỉnh Bình Dương. Vợ chồng sống chung thì phát sinh mâu thuẫn, trầm trọng từ khoảng 02 năm nay do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã về mọi vấn đề trong cuộc sống, không thể hoà hợp được. Vợ chồng mặc dù sống chung nhà nhưng ly thân, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Chí L.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 02/5/2015 và Nguyễn Kim H, sinh ngày 06/11/2020. Sau khi ly hôn, chị C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị kinh doanh tự do (làm tiệm tóc), thu nhập trung bình 10 triệu đồng/tháng. Anh L1 chạy xe honda chở khách, thu nhập không ổn định.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung (nợ chung): Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn anh Nguyễn Chí L:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh L vắng mặt không có lý do. Anh L1 không cung cấp văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị C và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

- *Biên bản xác minh ngày 16/8/2024 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố D thể hiện*: Hội liên hiệp phụ nữ phường T không nhận được đơn yêu cầu hòa giải cơ sở về quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh L1. Đồng thời cũng không nhận được phản ánh từ cơ sở về mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn và vấn đề chăm sóc nuôi dạy con chung của hai anh chị nên không rõ. Đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện Kiểm sát *nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:* Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, căn cứ Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn chị Phan Thị C có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Chí L đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm vào các ngày 10/9/2024, 30/9/2024 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị C và anh Nguyễn Chí L là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 115/2014, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau cấp ngày 29/9/2014 nên đây là quan

hệ hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào lời khai của chị C thì thực tế cuộc sống vợ chồng chị và anh L có nhiều mâu thuẫn trầm trọng từ nhiều năm nay. Nguyên nhân là do tính tính không hợp, thường xuyên cãi vã, vợ chồng đã ly thân thời gian dài. Xét thấy, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích đó vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã triệu tập anh L đến Toà án để tham gia phiên hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh L không đến tham gia hòa giải, chị C có đơn từ chối hoà giải, điều này càng chứng tỏ tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn và chính anh L, chị C cũng không muốn hàn gắn. Vì vậy, chị C yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Phan Thị C khai quá trình chung sống chị và anh L có 02 con chung là Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 02/5/2015 và Nguyễn Kim H, sinh ngày 06/11/2020. Hiện các con chung đang do chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Quá trình tố tụng anh L không có ý kiến, yêu cầu về con chung. Xét thấy việc giao cháu N và cháu H cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo cuộc sống ổn định của con chung, đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu N. Mức thu nhập trung bình của chị C hiện nay khoảng hơn 10 triệu đồng/tháng cũng đủ để đảm bảo điều kiện sống cho con chung. Do đó căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị C về con chung. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị C tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị C.

[6] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phan Thị C phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và các Điều 238, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị C đối với bị đơn anh Nguyễn Chí L về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị C được ly hôn với anh Nguyễn Chí L (Giấy chứng nhận kết hôn số 115/2014, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau cấp ngày 29/9/2014).

- Về con chung: Anh Nguyễn Chí L giao hai con chung là Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 02/5/2015 và Nguyễn Kim H, sinh ngày 06/11/2020 cho chị Phan Thị C tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị C về việc không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau ly hôn, chị C và anh L đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phan Thị C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001419 ngày 06/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố Dĩ An (01);
- CCTHADS thành phố Dĩ An (01);
- Đương sự (02);
- Lưu: VP, HS (03).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mỹ Thanh